

Tham chiếu API — MKE_I2C_MP3

```
#include <MKE_I2C_MP3.h>
MKE_I2C_MP3 mp3;
```

MKE_I2C_MP3 không nhận tham số trong constructor. Mọi thiết lập ban đầu được đưa vào `begin()`.

Khởi tạo

`begin(address, wirePort)`

```
mp3.begin(50);           // I2C mặc định: Wire
mp3.begin(51, Wire1);    // Dùng bus I2C khác, nếu board có Wire1
```

- **address**: địa chỉ I2C 7-bit; mặc định là **50** (**0x32**).
- **wirePort**: đối tượng I2C; mặc định là **Wire**.

Hàm gọi `Wire.begin()` cho bus đã chọn. Gọi hàm này một lần trong `setup()`.

Điều khiển phát nhạc

Các hàm trả về mã `Wire.endTransmission()`: **0** là gửi thành công; giá trị khác **0** là lỗi giao tiếp I2C.

Hàm	Mô tả
<code>play()</code>	Tiếp tục phát.
<code>pause()</code>	Tạm dừng.
<code>stop()</code>	Dừng hẳn.
<code>next()</code> / <code>previous()</code>	Chuyển bài kế tiếp / trước đó.
<code>setVolume(volume)</code>	Đặt âm lượng 0–30; giá trị lớn hơn 30 được giới hạn thành 30.
<code>playTrack(track)</code>	Phát file có số thứ tự trong thư mục gốc.

```
if (mp3.setVolume(20) != 0) {
    // Kiểm tra dây nối, nguồn cấp hoặc địa chỉ I2C.
}
mp3.playTrack(2); // 00002_....mp3
```

Phát file theo thư mục

Hàm	Mô tả
<code>playTrackInFolder(folder, track)</code>	Phát file trong folder số.
<code>playTrackInMF(track)</code>	Phát file trong folder hệ thống MF .
<code>playInsertTrack(track)</code>	Chèn file ở root, sau đó trở lại bài trước đó.
<code>playInsertTrackInFolder(folder, track)</code>	Chèn file trong folder số.
<code>playInsertTrackInMF(track)</code>	Chèn file trong MF .

`playTrackInFolder(2, 5)` gửi $2 * 1000 + 5 = 2005$ cho module. **MF** là vùng hệ thống trong Flash tích hợp; không xóa hoặc thay đổi nội dung của vùng này.

Đọc thông tin module

Các hàm đọc trả về **true** khi nhận đủ phản hồi 4 byte qua I2C, và **false** khi giao tiếp thất bại.

Hàm	Giá trị nhận được
<code>getVolume(uint8_t &volume)</code>	Âm lượng 0–30.
<code>getStatus(Status &status)</code>	STOPPED (0), PLAYING (1), hoặc PAUSED (2).
<code>getModuleId(uint8_t &moduleId)</code>	ID module; JQ8900 trả về 5.
<code>readModuleAddress(uint8_t &address)</code>	Địa chỉ I2C hiện tại.

Địa chỉ I2C và Admin Mode

```
mp3.setAdminMode(true);
delay(10);
mp3.changeModuleAddress(51);
mp3.setAdminMode(false);
```

`changeModuleAddress()` cập nhật địa chỉ đang được thư viện dùng nếu gói lệnh được gửi thành công. Luôn mở Admin Mode trước khi đổi. `setAddress(address)` chỉ đổi địa chỉ mà **thư viện** sẽ gửi tới; dùng khi module đã đổi địa chỉ bằng nút.

Gửi lệnh thô

`sendCommand(command, value)` dành cho trường hợp cần dùng trực tiếp protocol. Thông thường hãy dùng các hàm mức cao ở trên để mã nguồn dễ đọc hơn.